TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-PT
Ngày 02/06/2017
V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nhung**

Các thẩm phán: Ông**Nguyễn Xuân Tiến**

Ông **Bùi Văn Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thanh Hương–**Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà **Trần Thị Hương Huyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02/06/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xửphúc thẩm công khai vụ án thụ lý số10/2017/TLPT-HNGĐngày 20/04/2017 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình**.**

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 09/03/2017 của Toà án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2017/QĐ-PT ngày 18/05/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thùy D** –sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 4 (nay là tổ 2), khu T, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh **Đỗ Văn H**– sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 4 (nay là tổ 2), khu T, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo**:** Bị đơn anh Đỗ Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thùy Dinh trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày

12/09/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ 4 (nay là tổ 2), khu T, phường M, TX. Đ, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp, thường xuyên cãi nhau. Chị cũng đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả, do đó chị và anh H sống ly thân từ năm 2015 đến nay, khi ly thân hai người vẫn sống cùng một nhà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và đại diện khu phố động viên, hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 09/12/2007 và Đỗ Phương L, sinh ngày 16/09/2009. Chị có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn H trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Anh H đã nhiều lần níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Gia đình hai bên đoàn thể chính quyền địa phương đã khuyên nhủ, động viên hòa giải nhưng không thành. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày. Anh có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nếu không được thì anh nhận nuôi con chung Đỗ Ngọc M, để con chung Đỗ Phương L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 09/03/2017, Toà án nhân dân thị xã Đ đã căn cứ các Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc M, sinh ngày 09/12/2007 và Đỗ Phương L, sinh ngày 16/09/2009 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung mỗi con 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 03/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/03/2017, bị đơn là anh Đỗ Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 09/03/2017 của Toà án nhân dân thị xã Đ về con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh nuôi ít nhất một trong hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Chị D có nhà và thu nhập ổn định, anh H hiện đang ở tập thể của trường THPT T, hơn nữa nguyện vọng của cháu M và L muốn được ở cùng chị D vì ở với bố sợ bị bố đánh. Bản án sơ thẩm tuyên giao hai con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của anh Đỗ Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Đỗ Văn H có 02 con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 09/12/2007 và Đỗ Phương L, sinh ngày 16/09/2009. Chị D có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ít nhất một con chung. Xét cả anh H và chị D đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, theo Văn bản thỏa thuận về phân chia tài sản ngày 31/12/2016 giữa anh H và chị D cho thấy chị D có chỗ ở ổn định nên sẽ tạo được điều kiện tốt hơn để các con chung tiếp tục sinh sống và học tập. Ngoài ra, theo Bản tường trình

ngày 26/12/2016 có xác nhận của tổ dân khu phố và chính quyền địa phương nơi chị D anh H cư trú thì anh H sau khi đi uống rượu về đã nhiều lần đánh đập, dọa nạt mẹ con chị D. Cụ thể là tối ngày 15/07/2016 anh H đi uống rượu rồi mua xăng về, khóa trái cửa nhốt các con trong nhà, dọa đổ xăng đốt nhà, giết con nhưng được hàng xóm và gia đình phá cửa kịp thời can ngăn. Bản thân anh H tại phiên tòa sơ thẩm cũng thừa nhận mình nhiều lần nóng tính, không kiềm chế được mà có những hành vi không phải với vợ con và để níu kéo tình cảm vợ chồng anh cũng từng cắt tay dọa tự tử hay đóng cửa, dọa đốt xăng để đe dọa làm chị D sợ và suy nghĩ lại. Đây là những hành vi bạo lực, nguy hiểm và khi để các con phải chứng kiến sẽ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển cả về thể chất và tâm sinh lý của các con.

Bên cạnh đó, anh H cũng thừa nhận chị D là người mẹ có trách nhiệm và đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt cho các con. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, hai con chung là cháu M và cháu L đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì sợ bố đánh mỗi lần bố uống rượu,đây là nguyện vọng chính đáng và được pháp luật bảo vệ.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về cấp dưỡng, chị D đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng không đưa ra mức cụ thể. Xét đề nghị của chị D là chính đáng, anh H có đủ khả năng kinh tế và để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các con chung. Do đó, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của anh H không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8, Khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đỗ Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc M, sinh ngày 09/12/2007 và Đỗ Phương L, sinh ngày 16/09/2009 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung mỗi con 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 03/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Buộc anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TX. Đ theo biên lai thu tiền số 0006876 ngày 31/03/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND TX. Đ;
- Thi hành án;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Kim Nhung